

Bản án số: 310/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu
2. Ông Đinh Tình Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 668/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4642/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *NgU đơn:* Bà U, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 93/19 đường PT, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông H, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 93 đường DD, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020, quá trình tố tụng bà U trình bày:*

Bà và ông H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 73,

quyển số: 01/2010 ngày 18 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, hai bên đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là trẻ K, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004 (giới tính: Nữ) và trẻ M, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 (giới tính: Nam). Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tham gia tố tụng, ông H trình bày:*

Ông xác nhận lời trình bày của bà U về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ không đến mức trầm trọng, dù vợ chồng hiện đã sống ly thân nhưng ông vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn được đoàn tụ để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về con chung: Ông và bà U có 02 con chung là trẻ K, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004 (giới tính: Nữ) và trẻ M, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 (giới tính: Nam). Ông không đồng ý ly hôn nên con chung ông không yêu cầu, trường hợp Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà U thì đề nghị giải quyết về con chung theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà U không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà U giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông H.

Ông H không đồng ý ly hôn với bà U, đề nghị giải quyết theo quy định.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của các đương sự đề xuất Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, về quan hệ hôn nhân: Cho bà U được ly hôn với ông H; về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Bùi Phúc Kim Khuê, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004 (giới tính: Nữ) và trẻ Bùi Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 (giới tính: Nam) cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng

Xét, đơn khởi kiện của bà U có căn cứ xác định đây là tranh chấp ly hôn, ông H có địa chỉ cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung

Xét, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà U, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 73, quyển số 01/2010 ngày 18 tháng 9 năm 2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hoà giải tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà U không chấp nhận hòa giải đoàn tụ, vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp, phương án nào để cải thiện tình trạng hôn nhân để vợ chồng quay trở lại cùng chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu kéo dài tình trạng hôn nhân này sẽ đau khổ cho bà U, ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U và quan hệ

hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà U và ông H thừa nhận có 02 con chung là trẻ K, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004 (giới tính: Nữ) và trẻ M, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 (giới tính: Nam).

Theo bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2021 trẻ K, trẻ M tự viết và xác nhận trẻ đang sống cùng với mẹ là bà U và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ trong trường hợp ba và mẹ không còn chung sống với nhau. Xét, đây là sự tự lựa chọn theo nguyện vọng cần được cha mẹ tôn trọng ý kiến của trẻ đúng với nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con được quy định tại Điều 69, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, bà U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từ khi sinh ra cho đến nay trong thời gian nuôi dưỡng các trẻ phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, để ổn định cuộc sống, tâm lý của các trẻ, cần tiếp tục giao trẻ Khuê, trẻ Minh cho bà U chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà U và ông H xác nhận không có nên không xét.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U.

1. Về hôn nhân: Cho bà U ly hôn với ông H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 73, quyển số: 01/2010 ngày 18 tháng 9 năm 2010 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là trẻ K, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004 (giới tính: Nữ) và trẻ M, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 (giới tính: Nam) cho bà U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

4. Về án phí: Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai số AA/2019/0030241 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1. Bà U đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà U, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tƯ án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

6. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q.1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Huỳnh Ngọc Tuấn